BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6269 /BYT-VPB6 V/v cập nhật danh mục TTHC thuộc lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng.	*Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2018*

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ Y tế đã hoàn thành rà soát và cập nhật danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước được đăng tải công khai trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; trong đó lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng gồm 39 thủ tục (Phụ lục 1), chi tiết như sau:

- Thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Y tế: 27 thủ tục (Phụ lục 2).
- Thuộc thẩm quyền giải quyết của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 14 thủ tục (Phụ lục 3).

Bộ Y tế thông báo để các Cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện việc công bố, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo các quy định hiện hành.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng TT Nguyễn Viết Tiến (để b/c);
- Chánh Văn phòng Bộ (để b/c);
- Cục KSTTHC - VPCP (để biết);
- Cục An toàn thực phẩm (để biết);
- Lưu: VT, VPB6(02b).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG BỘ
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG BỘ

Hà Anh Đức

Chứng thư: Bộ Y tế
Ngày ký: 23/10/2018 15:16:25
Hệ thống VOffice Bộ Y Tế

Phụ lục 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế

(Cập nhật đến ngày 15/10/2018)

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
1	B-BYT-031277-TT	Chỉ định cơ quan đủ điều kiện kiểm tra Nhà nước về chất lượng thực phẩm nhập khẩu.	Cục An toàn thực phẩm;			05/2007/TT-BYT.;
2	B-BYT-229911-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh/thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
3	B-BYT-229894-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ Y tế	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
4	B-BYT-229895-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
5	B-BYT-229910-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh/thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
6	B-BYT-237160-TT	Chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12; 68/2006/QH11; 05/2007/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	11/2013/TT-BYT;
7	B-BYT-249488-TT	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
8	B-BYT-249509-TT	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
9	B-BYT-249512-TT	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
10	B-BYT-249505-TT	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
11	B-BYT-249513-TT	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
12	B-BYT-259323-TT	Đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm; Đăng ký thay đổi, bổ sung một trong các nội dung đã đăng ký lưu hành theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 10 Thông tư 11/2014/TT-BYT.	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	11/2014/TT-BYT;
13	B-BYT-259330-TT	Đăng ký thay đổi, bổ sung một trong các nội dung đã đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư 11/2014/TT-BYT	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	11/2014/TT-BYT;
14	B-BYT-259338-TT	Gia hạn đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	11/2014/TT-BYT;
15	B-BYT-258729-TT	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	Cục An toàn thực phẩm, Chi Cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được phân công theo Điều 9 của Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;
16	B-BYT-258737-TT	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	Cục An toàn thực phẩm, Chi Cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được phân công theo Điều 9 của Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;
17	B-BYT-286618-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	149/2013/TT-BTC;47/2014/TT-BYT; 30/2012/TT-BYT;
18	B-BYT-286619-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	149/2013/TT-BTC;47/2014/TT-BYT; 30/2012/TT-BYT;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
19	B-BYT-286620-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	149/2013/TT-BTC; 47/2014/TT-BYT;
20	B-BYT-286621-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014. B-BYT-286621-TT	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	47/2014/TT-BYT;
21	B-BYT-286709-TT	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS), Giấy chứng nhận xuất khẩu (CE) đối với các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	52/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;
22	B-BYT-286710-TT	Cấp giấy chứng nhận y tế (HC) đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12; 05/2007/QH12;	38/2012/NĐ-CP; 10/2010/QĐ-TTg;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT; 52/2015/TT-BYT;
23	B-BYT-286711-TT	Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	Cục An toàn thực phẩm;	68/2006/QH11; 05/2007/QH12; t 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
24	B-BYT-286712-TT	Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	Cục An toàn thực phẩm;	05/2007/QH12; 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
25	B-BYT-286713-TT	Cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá	Cục An toàn thực phẩm;	68/2006/QH11; t 05/2007/QH12; 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
26	B-BYT-286714-TT	Cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá	Cục An toàn thực phẩm;	68/2006/QH11; t 05/2007/QH12; 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
27	B-BYT-286962-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
28	B-BYT-286963-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
29	B-BYT-286964-TT	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Cục An toàn thực phẩm;	16/2012/QH13; 55/2010/QH12;	181/2013/NĐ-CP; 15/2018/NĐ-CP;	09/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;
30	B-BYT-286965-TT	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
31	B-BYT-286966-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
32	B-BYT-286967-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
33	B-BYT-286968-TT	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	16/2012/QH13; 55/2010/QH12;	181/2013/NĐ-CP; 100/2014/NĐ-CP; 15/2018/NĐ-CP;	09/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;
34	B-BYT-286969-TT	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra giảm	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
35	B-BYT-286970-TT	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
36	B-BYT-286971-TT	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
37	B-BYT-286994-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn theo quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ)	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
38	B-BYT-286995-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn theo quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ).	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
39	B-BYT-286996-TT	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đến Bộ Y tế theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP).	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12; 16/2012/QH13;	181/2013/NĐ-CP; 100/2014/NĐ-CP; 15/2018/NĐ-CP;	09/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;

Phụ lục 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Y tế

(Cập nhật đến ngày 15/10/2018)

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
1	B-BYT-031277-TT	Chỉ định cơ quan đủ điều kiện kiểm tra Nhà nước về chất lượng thực phẩm nhập khẩu.	Cục An toàn thực phẩm;			05/2007/TT-BYT.;
2	B-BYT-229894-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ Y tế	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
3	B-BYT-229895-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
4	B-BYT-237160-TT	Chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12; 68/2006/QH11; 05/2007/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	11/2013/TT-BYT;
5	B-BYT-249488-TT	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
6	B-BYT-249509-TT	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
7	B-BYT-249512-TT	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
8	B-BYT-249505-TT	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
9	B-BYT-249513-TT	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP; 38/2012/NĐ-CP;	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
10	B-BYT-259323-TT	Đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm; Đăng ký thay đổi, bổ sung một trong các nội dung đã đăng ký lưu hành theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 10 Thông tư 11/2014/TT-BYT.	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	11/2014/TT-BYT;
11	B-BYT-259330-TT	Đăng ký thay đổi, bổ sung một trong các nội dung đã đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư 11/2014/TT-BYT	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	11/2014/TT-BYT;
12	B-BYT-259338-TT	Gia hạn đăng ký lưu hành bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	11/2014/TT-BYT;
13	B-BYT-258729-TT	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	Cục An toàn thực phẩm, Chi Cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được phân công theo Điều 9 của Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;
14	B-BYT-258737-TT	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	Cục An toàn thực phẩm, Chi Cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được phân công theo Điều 9 của Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;
15	B-BYT-286709-TT	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS), Giấy chứng nhận xuất khẩu (CE) đối với các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	52/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
16	B-BYT-286710-TT	Cấp giấy chứng nhận y tế (HC) đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12; 05/2007/QH12;	38/2012/NĐ-CP; 10/2010/QĐ-TTg;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT; 52/2015/TT-BYT;
17	B-BYT-286711-TT	Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	Cục An toàn thực phẩm;	68/2006/QH11; 05/2007/QH12; t 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
18	B-BYT-286712-TT	Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	Cục An toàn thực phẩm;	05/2007/QH12; 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
19	B-BYT-286713-TT	Cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá	Cục An toàn thực phẩm;	68/2006/QH11; t 05/2007/QH12; 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
20	B-BYT-286714-TT	Cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá	Cục An toàn thực phẩm;	68/2006/QH11; t 05/2007/QH12; 09/2012/QH13;	127/2007/NĐ-CP; 132/2008/NĐ-CP;	49/2015/TT-BYT;
21	BYT-286962-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
22	BYT-286963-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
23	BYT-286964-TT	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Cục An toàn thực phẩm;	16/2012/QH13; 55/2010/QH12;	181/2013/NĐ-CP; 15/2018/NĐ-CP;	09/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
24	BYT-286965-TT	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
25	BYT-286994-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn theo quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ)	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
26	BYT-286995-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn theo quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ).	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
27	BYT-286996-TT	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đến Bộ Y tế theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP).	Cục An toàn thực phẩm;	55/2010/QH12; 16/2012/QH13;	181/2013/NĐ-CP; 100/2014/NĐ-CP; 15/2018/NĐ-CP;	09/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;

Phụ lục 3

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

thuộc thẩm quyền giải quyết của các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ

(Cập nhật đến ngày 15/10/2018)

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
1	B-BYT-229911-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh/thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
2	B-BYT-229910-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh/thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	26/2012/TT-BYT;
3	B-BYT-258729-TT	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	Cục An toàn thực phẩm, Chi Cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được phân công theo Điều 9 của Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;
4	B-BYT-258737-TT	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	Cục An toàn thực phẩm, Chi Cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được phân công theo Điều 9 của Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;
5	B-BYT-286618-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	149/2013/TT-BTC;47/2014/TT-BYT; 30/2012/TT-BYT;
6	B-BYT-286619-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	149/2013/TT-BTC;47/2014/TT-BYT; 30/2012/TT-BYT;
7	B-BYT-286620-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	149/2013/TT-BTC; 47/2014/TT-BYT;

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý		
				Luật	Nghị định	Thông tư
8	B-BYT-286621-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014. B-BYT-286621-TT	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;	55/2010/QH12;	38/2012/NĐ-CP;	47/2014/TT-BYT;
9	B-BYT-286966-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
10	B-BYT-286967-TT	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
11	B-BYT-286968-TT	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	16/2012/QH13; 55/2010/QH12;	181/2013/NĐ-CP; 100/2014/NĐ-CP; 15/2018/NĐ-CP;	09/2015/TT-BYT; 279/2016/TT-BTC;
12	B-BYT-286969-TT	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra giảm	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
13	B-BYT-286970-TT	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;
14	B-BYT-286971-TT	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định	55/2010/QH12;	15/2018/NĐ-CP;	279/2016/TT-BTC;